

CHỈ TỔ DIỄN NGÔN VỚI CHỨC NĂNG LIÊN KẾT BỔ SUNG THÔNG TIN TRONG TÁC PHẨM “GONE WITH THE WIND” VÀ BẢN DỊCH “CUỐN THEO CHIỀU GIÓ”

Phạm Ngọc Diễm

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 11/01/2019, ngày nhận đăng 27/02/2019

Tóm tắt: Chỉ tổ diễn ngôn (CTDN) xuất hiện với tần số khá cao trong giao tiếp tiếng Anh. Xét về phương diện ảnh hưởng, CTDN đóng vai trò rất quan trọng trong ngôn ngữ, đặc biệt là trong các đối thoại. Ngoài chức năng liên kết, CTDN còn chuyển tải nhiều hàm ý khác nhau trong ngữ cảnh khác nhau mà nó được sử dụng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày khái quát về CTDN và đi vào phân tích cụ thể các CTDN *and*, *but* và *now* với chức năng là từ nối liên kết bổ sung thông tin. Từ đó, bài viết đối chiếu CTDN này trong tác phẩm *Gone with the Wind* với các tương đương dịch trong các hội thoại của các nhân vật của tác phẩm *Cuốn theo chiều gió*. Qua việc phân tích ngữ cảnh mà CTDN với chức năng liên kết được sử dụng, chúng tôi muốn tìm ra sự tương đồng và dị biệt trong việc chuyển dịch yếu tố này ở văn bản hội thoại giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

1. Đặt vấn đề

Chỉ tổ diễn ngôn có nhiều chức năng khác nhau trong lời nói như chỉ ra ranh giới chủ đề, mở đầu hoặc kết thúc câu chuyện, phản ánh sự tương tác liên tục giữa người nói và người nghe mà còn thể hiện đặc trưng văn hóa và xã hội của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ. Đây là các yếu tố lời nói xuất hiện thường xuyên trong giao tiếp và có vai trò quan trọng trong tiếp nhận cũng như truyền đạt thông tin. Chính vì vậy, nghiên cứu CTDN là nội dung cần thiết cho việc dạy - học tiếng (ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ), trong nghiên cứu văn hóa trong ngôn ngữ và dịch thuật.

2. Các chỉ tổ diễn ngôn trong ngữ nghĩa và ngữ dụng

CTDN là “những đơn vị vụng độc lập với ngữ pháp của mệnh đề, thuộc bình diện diễn ngôn và có chức năng tương tác” [3; tr. 604]. Các yếu tố này được nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau như ngữ pháp chức năng, ngữ dụng và cả góc độ nghiên cứu xã hội vì tần số xuất hiện cao và cho thấy vai trò thiết yếu của nó trong ngôn ngữ. Tính đa chức năng này “tích hợp nhiều quá trình tạo nghĩa khác nhau nhưng được thực hiện đồng thời để tạo nên diễn ngôn cũng như sự liên kết các đơn vị diễn ngôn thành một đơn vị thông báo hoàn chỉnh” [3; tr. 192].

Theo [2; tr. 938] và [4; tr. 25], CTDN được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau và có nhiều tên gọi khác nhau như: tiểu tố ngữ dụng (pragmatic particle), tiểu tố liên kết ngữ dụng (pragmatic connective), kết tố ngữ nghĩa (semantic conjunct), tiểu tố diễn ngôn (discourse particle), biểu thức ngữ dụng (pragmatic expression)...

“CTDN điển mẫu (prototypical) là hình thức lời nói có đặc trưng riêng về cả ngữ nghĩa lẫn cấu trúc. Về ngữ nghĩa, loại biểu thức này phải có một phương thức biểu đạt

nhất định phù hợp với ngôn cảnh. Về cấu trúc, CTDN phải nằm ở vị trí ban đầu của đơn vị ngữ điệu” [2; tr. 930], tức chúng thường đứng đầu câu nói.

Khi nghiên cứu về chức năng của việc sử dụng CTDN trong giao tiếp, [1; tr. 384] khẳng định rằng loại thành tố này đóng vai trò rất quan trọng trong việc thể hiện cảm xúc của người nói. Đó là:

- Làm cho lời nói tự nhiên hơn,
- Làm tăng độ trôi chảy,
- Bổ sung thông tin,
- Chuyển chủ đề,
- Bắt đầu đoạn hội thoại,
- Kết thúc câu chuyện,
- Chia sẻ kiến thức,
- Làm thông tin trở nên rõ ràng hơn.

Chỉ số diễn ngôn được sử dụng để nối các ý với nhau, quản lí và tổ chức những gì chúng ta nói, thể hiện quan điểm, ý kiến. Tuy vậy, hầu hết các nghiên cứu về CTDN hiện nay chỉ tập trung vào ngôn ngữ của người sử dụng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, chẳng hạn, người bản xứ hoặc người sử dụng song ngữ, vì thế việc sử dụng CTDN thích hợp trong giao tiếp tương đối dễ dàng đối với họ; nhưng ngược lại, đối với người nước ngoài sử dụng tiếng Anh thì điều này rất khó. Theo khảo sát sơ lược trong quá trình nghiên cứu, người Việt Nam ít có thói quen sử dụng những CTDN trong giao tiếp.

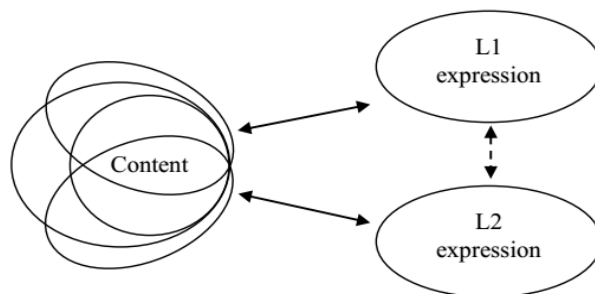
Nhiều nghiên cứu đã được đưa ra để phân loại CTDN, tuy nhiên, phân loại khác nhau là có thể bởi vì mỗi nhà nghiên cứu tập trung vào các khía cạnh nhất định của các chỉ tố này. Theo [1; tr. 392], các loại CTDN thể hiện: sự tương tác giữa người nói và người nghe (interjections), chào đón hoặc tạm biệt (greeting and farewells expressions), kết nối thông tin (linking adverbials), thái độ đối với thông tin tiếp nhận được (stance adverbials), xưng hô (vocatives), phản hồi nhận thức (response elicitors), phản hồi thể hiện sự chú ý (response forms), sự do dự (hesitators).

Trong phạm vi của bài báo, chúng tôi tập trung khảo sát các CTDN có tần suất sử dụng cao nhất có chức năng liên kết các đơn vị lời nói tiếng Anh và tiếng Việt tương đương được thể hiện rõ nhất trong cùng cuộc thoại từ tiểu thuyết *Gone with the Wind* (bản gốc tiếng Anh) và bản dịch *Cuốn theo chiều gió*.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Với mục đích phục vụ dạy - học ngoại ngữ và dịch thuật, bài viết đặt nhiệm vụ làm rõ chức năng liên kết để bổ sung thông tin (addition) của các CTDN *and, but, now* (tiếng Anh) trong *Gone with the Wind* và các CTDN tiếng Việt tương đương *và, nhưng, nào, được, này...* trong bản dịch *Cuốn theo chiều gió*.

Số liệu về CTDN được chúng tôi khảo sát trong mối quan hệ giữa nội dung liên kết bổ sung thông tin cho thông báo trước đó (content) và biểu thức biểu đạt (linguistic expressions) chúng trong tiếng Anh (quy ước là L1) và tiếng Việt (quy ước là L2) theo Hình 1.



Hình 1: Mối quan hệ giữa nội dung biểu đạt và biểu thức biểu đạt chúng trong hai ngôn ngữ [5; tr. 47]

Chúng tôi coi chức năng liên kết để bổ sung nội dung thông tin trong *Gone with the Wind* và *Cuốn theo chiều gió* là tương đương về nội dung (content) biểu đạt. Nội dung này là cơ sở chung, là tiêu chí để so sánh CTDN trong hai ngôn ngữ. Nhiệm vụ đặt ra là xác định: (i) chức năng liên kết và bổ sung thông tin cho thông báo trước đó của các CTDN *and*, *but* và *now* và các tương đương của chúng trong tiếng Việt, và (ii) các biểu thức ngôn ngữ (linguistic expressions) tương đương của các CTDN *and*, *but* và *now* trong tiếng Việt với cùng ngữ cảnh.

4. Các chỉ tố diễn ngôn với chức năng liên kết lời nói trong tác phẩm “Gone with the Wind” và bản dịch “Cuốn theo chiều gió”

Số liệu điều tra của chúng tôi cho thấy các CTDN với chức năng liên kết để bổ sung thông tin trong *Gone with the Wind* rất phong phú và đa dạng như *and*, *but*, *well*, *now*, *so*, *then*, *in addition*, *I mean*... Kết quả thống kê các chỉ tố này được miêu tả ở Bảng 1.

Bảng 1: CTDN với chức năng liên kết và bổ sung thông tin trong *Gone with the Wind*

TT	CTDN	Số lượt sử dụng	Tỉ lệ
1	and	272	46,4%
2	now	95	16,2%
3	but	78	13,3%
4	so	75	12,7%
5	I mean	12	2,0%
6	in addition	12	2,0%
7	Các CTDN khác	42	7,1%
Tổng số		586	100%

Số liệu cho thấy, các chỉ tố *and*, *but*, và *now* có tần số sử dụng cao nhất. Bước đầu, chúng tôi khảo sát những chỉ tố biểu đạt tương đương của chúng được thể hiện trong bản dịch *Cuốn theo chiều gió*.

4.1. Chỉ tố “and” và các tương đương của nó trong tiếng Việt

Trong bản dịch *Cuốn theo chiều gió*, chỉ tố *and* (trong tiếng Anh) biểu đạt sự liên kết nhằm bổ sung (addition) thông tin được biểu đạt bằng nhiều chỉ tố khác nhau. Kết quả phân tích số liệu về việc sử dụng các CTDN tiếng Việt tương đương với chỉ tố *and* được miêu tả ở Bảng 2.

Bảng 2: Các CTDN tiếng Việt được sử dụng tương đương với “and”

TT	CTDN tương đương trong tiếng Việt	Số lượng tương đương	Tỉ lệ
1	và	173	63,6%
2	rồi	84	30,8%
3	và rồi	9	3,3%
4	Các CTDN khác	6	2,2%
Tổng số		272	100%

Số liệu cho thấy *và*, *rồi*, *và rồi*... được coi là tương đương với *and* tùy thuộc vào ngữ cảnh. Trong đó, chỉ tố *và* có tỉ lệ tương đương với *and* cao nhất (chiếm 63,6%).

Ví dụ 1:

- “I’ll marry him,” she thought coolly. “**And** then I’ll never have to bother about money again.” [6; tr. 751]

- Mình sẽ lấy hắn. **Và** mình sẽ không bao giờ lo nghĩ tới tiền bạc nữa. [8, tr. 505]

Nội dung trong câu thứ nhất (trong cả câu tiếng Anh lẫn tiếng Việt) đều được bổ sung thông tin (nội dung) và được biểu đạt ở câu thứ hai thông qua chỉ tố *and* (tiếng Anh) và chỉ tố *và* (tiếng Việt).

Ví dụ 2:

- Think now how ‘twould hurt her and her so gentle.

- **And** to think, Pa, that you said only last night I had disgraced the family!

- **And** you said that I... [6; tr. 755].

- Đừng làm má con muồn khổ, một người luôn luôn dịu hiền như vậy...

- Ba nghĩ **lại** coi, tối qua ba mới bảo con là con làm hoen ố danh giá gia đình, rồi ngay sau đó ba lại làm như vậy.

- **Rồi** ba còn nói rằng... [8; tr. 505].

Chỉ tố *and* biểu đạt chức năng liên kết để bổ sung nghĩa cho thông báo trước đó không những tương đương nghĩa với chỉ tố *và*, *rồi* mà còn tương đương với *lại* (kết hợp với động từ chính) tiếng Việt.

Ví dụ 3: Chỉ tố *and* có nghĩa tương đương với *à*.

- Now, you wait right here till I come back, for I want to eat barbecue with you.

And don’t you go off philandering with those other girls, because I’m mightly jealous. (6; tr. 136)

- Nào, bây giờ anh hãy đợi tôi ngay chỗ này cho tới khi tôi trở lại, vì tôi muốn dự dạ yên bên anh. **Nào**, anh, đừng có ve vãn cô nào đấy nghe, tôi hay ghen lắm đây. [8; tr. 102]

Như vậy, cùng là nội dung liên kết để bổ sung thông tin cho lời nói trước đó (content) được biểu đạt bằng *and* (trong tiếng Anh) tương đương với các chỉ tố *và, rồi, à* hoặc một phương thức kết hợp khác trong tiếng Việt.

4.2. Chỉ tố “now” và các tương đương của nó trong tiếng Việt

Trong từng ngữ cảnh, chỉ tố *now* biểu đạt nghĩa liên kết và bổ sung thông tin có thể có các CTDN tương đương khác nhau trong tiếng Việt như *nào, rồi đó...* Số liệu về CTDN tiếng Việt (trong *Cuốn theo chiều gió*) tương đương với chỉ tố *now* (trong *Gone with the Wind*) được miêu tả ở Bảng 3.

Bảng 3: Các CTDN tiếng Việt được sử dụng tương đương với “now”

TT	CTDN tương đương trong tiếng Việt	Số lượng tương đương	Tỉ lệ
1	nào	87	91,5%
2	rồi đó	2	0,7%
3	Các CTDN khác	6	2,2%
Tổng số		95	100%

Trước hết, chỉ tố *now* có tương đương được biểu đạt bằng *nào*.

Ví dụ 4:

- You like ‘em red-headed, don’t you, honey? **Now** come on, promise us all the waltzes and the supper. [6; tr. 11]

- Như vậy là cung ưa mấy thằng tóc đỏ, phải không? **Nào**, hứa với tụi này đi, hai bản luân vũ và buổi tối. [8; tr. 13]

Rất có nhiều vấn đề cần bàn nếu xét toàn cục việc dịch thuật mâu thuẫn này nhưng bài viết chỉ quan tâm đến vấn đề của *now* và nhận thấy rằng từ *nào* của nhân vật khiến cho người Việt có cảm nhận như một động viên trong khi tinh thần của *now* trong ngữ cảnh này không hề có chức năng như thế vì đây chính là một dấu hiệu lịch sự trong giao tiếp.

Ví dụ 5:

- **Now**, you wait right here till I come back, for I want to eat barbecue with you. [6; tr. 136]

- **Nào**, bây giờ anh hãy đợi tôi ngay chỗ này cho tới khi tôi trở lại, vì tôi muốn dự dạ yên bên anh. [8; tr. 102]

Nghĩa liên kết và bổ sung thông tin được biểu đạt bằng chỉ tố **now** trong tiếng Anh còn được biểu đạt bằng chỉ tố **rồi đó** trong tiếng Việt.

Ví dụ 6:

- **Now**, Scarlett, we've told you the secret, so you've got to promise to eat supper with us.

- Of course I will - Scarlett said automatically. [6; tr. 12]

- **Rồi đó**, Scarllet, tụi này đã tiết lộ hết rồi, bây giờ cô phải hứa cùng ngồi ăn với bọn này đi. [8; tr. 13]

Như vậy, chỉ tố *now* là một dấu hiệu che chắn (hedging) cốt để làm phát ngôn mềm mỏng hơn, lực ngôn trung sẽ yếu đi, tuyệt nhiên không thể có một tương đương có khả năng tạo nghĩa trân trọng hơn. Với những lập luận có tính ngữ dụng học này, chúng tôi nhận thấy rằng, *now* trong trường hợp này đứng thay cho *I think* (Tôi nghĩ) hoặc *In my opinion* (Theo tôi). Và như vậy, bản dịch của mẫu đối thoại trên nên sửa lại cho đúng với tinh thần bản gốc của tiếng Anh về thông tin giao tiếp và hơn nữa, cho thuần Việt trong ngữ dụng học.

4.3. Chỉ tố “but” và tương đương của nó trong tiếng Việt

Chức năng liên kết để bổ sung thông tin còn được biểu đạt bằng chỉ tố *but* (trong tiếng Anh) và chỉ tố *nhưng* trong tiếng Việt. Bảng 4 cho thấy số liệu về tính tương đương dịch thuật của *but* với CTDN trong tiếng Việt.

Bảng 4: CTDN tiếng Việt được sử dụng tương đương với *but*

TT	CTDN tương đương trong tiếng Việt	Số lượng tương đương	Tỉ lệ
1	nhưng	75	96,1%
2	Các CTDN khác	3	3,8%
Tổng số		78	100%

CTDN *but* (trong tiếng Anh) được coi là tương đương với *nhưng* (trong tiếng Việt) rất cao (chiếm đến 96.1%). Đôi khi chức năng liên kết của chỉ tố này cũng được coi là tương đương với *tuy nhiên, tuy vậy...* hoặc được biểu đạt thông qua yếu tố ngữ pháp của câu nói.

Ví dụ 7:

...Formerly, it had been Rhett who asked for her favors and she who helped the power. Now she was the beggar and a beggar in now position to dictate terms.

- **But** I won't think of that now. [6; tr. 755]

...Lúc trước Rhett phải cầu cạnh nàng vì nàng còn đủ quyền lực. Bây giờ nàng chỉ là một con ăn mày, một con ăn mày không có quyền đặt điều kiện.

- **Nhưng** mình sẽ không tìm tìm tới Rhett như một con ăn mày. [8; tr. 508]

Lời thoại diễn ra các nhân vật đứng sau một CTDN khác là *but* được dịch là *nhưng* kèm sau đó là một lời đề nghị. CTDN *but* trước hết nhằm mục đích phản bác ý kiến của người khác; sau đó người diễn thoại chuyển ý để đưa ra một đề nghị khác; như vậy CTDN *but* không những đóng vai trò liên kết về phương hình thức mà còn liên kết về phương diện ý nghĩa với câu nói đứng sau nó, nhằm mục đích đưa ra ý tưởng của mình vừa muốn bác bỏ hoặc muốn nói lên suy nghĩ trái chiều của mình đối với ý kiến của người không muốn nghĩ anh ta là áp đặt (lịch sự).

Như vậy, CTDN *and*, *but*, *now* là các yếu tố có vai trò rất quan trọng trong diễn ngôn. Chúng có chức năng thông tin rất rõ ràng: liên kết và bổ sung thông tin cho phát ngôn trước đó; đồng thời thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp. Qua việc đối chiếu CTDN trong bản dịch Anh - Việt trong ngữ cảnh khác nhau, chúng ta có thể thấy ngoài chức năng liên kết, CTDN còn chuyển tải nhiều hàm ý khác nhau trong ngữ cảnh khác nhau mà nó được sử dụng. Đối chiếu CTDN với các tương đương dịch trong bản dịch, chúng ta thấy có những điểm tương đồng và khác biệt khi dịch CTDN này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trước hết, xét về mặt tương đồng, CTDN ở tiếng Anh khi dịch sang tiếng Việt, yếu tố này có thể dùng để cho vào khoảng trống trong hội thoại; người nói sử dụng chỉ tố diễn ngôn trong văn bản hội thoại. Bên cạnh việc thêm các phụ từ trong ngôn ngữ đích để chuyển tải trọn vẹn về ngữ nghĩa và hàm ý của người nói, ở một số trường hợp,

Việc chuyển đổi CTDN sang một loại hình khác, hoặc lược bỏ yếu tố này trong việc chuyển dịch từ ngôn ngữ nguồn - tiếng Anh sang ngôn ngữ đích - tiếng Việt trong những ngữ cảnh phân tích trên cho thấy, chúng ta cần có sự nghiên cứu và khảo sát sâu hơn về mặt so sánh và đối chiếu CTDN cú pháp nhưng chúng được chèn tự do trong diễn ngôn và được đánh dấu bằng cách tạm dừng ngữ điệu và dấu câu. Chúng thường có đa chức năng trong diễn ngôn, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

Nhìn chung, số liệu thống kê cho thấy các CTDN tiếng Anh với chức năng liên kết để bổ sung thông tin trong tác phẩm *Gone with the Wind* thường có nhiều CTDN tương đương trong bản dịch tiếng Việt *Cuốn theo chiều gió*. Điều đó có nghĩa là tính tương đương dịch thuật của CTDN không phải là 1:1 trong các ngôn ngữ (tức CTDN này trong L1 tương đương với duy nhất một CTDN trong L2). Nguyên nhân của sự khác biệt này, theo chúng tôi, là do các đặc trưng văn hóa và xã hội trong tri nhận của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ.

5. Kết luận

Trong khuôn khổ nghiên cứu những vấn đề cơ bản về chỉ số diễn ngôn, bài viết đã giới thiệu một cái nhìn khái quát về vai trò của CTDN trong hội thoại, và sơ lược đưa ra chức năng của CTDN là từ nối trong câu trong tiếng Anh so với những cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt. Chúng tôi hy vọng đây là bước khởi đầu để nghiên cứu sâu hơn cho CTDN, khi so sánh và đối chiếu các CTDN được chuyển dịch từ ngôn ngữ tiếng Anh sang ngôn ngữ tiếng Việt và ngược lại. Từ đó, việc nghiên cứu sâu hơn về việc chuyển dịch CTDN là rất cần thiết và hy vọng sẽ góp phần đưa ra được những phương

pháp dịch phù hợp và có thể áp dụng để giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên thực hành dịch các CTDN trong văn bản hội thoại. Chính vì vậy, nghiên cứu CTDN là nội dung cần thiết cho việc dạy - học tiếng (ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ), trong nghiên cứu văn hóa trong ngôn ngữ và dịch thuật. Khi dạy các CTDN trong tiếng Anh (ngôn ngữ nguồn), người dạy cần giảng giải cho người học hiểu rõ về ý nghĩa tương đương, các sử dụng cùng với những sắc thái, tâm lí, thái độ tình cảm và những nét đặc trưng văn hóa của chúng trong tiếng Việt.

Số liệu nghiên cứu cho thấy đúng như Tannen và cộng sự khẳng định: CTDN không những cung cấp thông tin về các thuộc tính ngôn ngữ (như ngữ nghĩa và nghĩa ngữ dụng, nguồn gốc, chức năng) của tập hợp các biểu thức thường được sử dụng, về cấu trúc các tương tác xã hội và ngữ huống, mà còn cung cấp thông tin về năng lực nhận thức, biểu cảm, năng lực xã hội và ngôn bản của người sử dụng chúng [7; tr. 205]. Chức năng của các CTDN phong phú và đa dạng. Mỗi một phân tích, đối chiếu các chỉ tố loại này chúng ta đều có thể phát hiện ra một nét mới về vai trò và chức năng của chúng trong diễn ngôn. Và chúng ta nhận thấy sự cần thiết của việc dạy - học sử dụng CTDN trong lời nói, nhận thấy vai trò của văn hóa và xã hội trong giao tiếp ngôn ngữ.

Mặc dù đã đạt được một số yêu cầu nêu trong mục đích nghiên cứu, nhưng bài báo vẫn còn một số hạn chế. Hạn chế lớn nhất là số liệu chỉ được điều tra dựa trên tác phẩm *Gone with the Wind* và một bản dịch. Khi số liệu điều tra dựa trên nhiều diễn ngôn khác nhau (về cả ngôn ngữ đích và ngôn bản nguồn) thì kết quả nghiên cứu về CTDN tương đương trong hai ngôn ngữ sẽ chính xác hơn.

Trong những nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ phối kết hợp nhiều nguồn tài liệu để có được số liệu về loại CTDN này trong tiếng Anh và tiếng Việt, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu đa dạng hơn để có kết quả cao hơn và thiết thực hơn cho thực tiễn dạy - học ngoại ngữ và dịch thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Fraser B. , *An Approach to Discourse Markers*, Pragmatics, Vol.14, 1990, pp. 383-395.
- [2] Fraser B., “*What are discourse markers?*” *Pragmatics*, Vol. 31, 1999, pp. 931-952.
- [3] Genetti C. (ed.), *How Languages Work: An Introduction to Language and Linguistics*, Cambridge University Press, 2014.
- [4] <https://www.english-corpora.org/coca/>
- [5] Le Dinh Tuong, Tran Ba Tien, *Introduction to Contrastive Linguistics*, Vinh University, 2018.
- [6] Mitchell M., *Gone with the Wind*, Macmillan Publisher, 2005.
- [7] Tannen D. (et al.), *The Handbook of Discourse Analysis*, Wiley-Blackwell, 2015.
- [8] Vũ Kim Thu, *Cuốn theo chiều gió*, NXB Thời Đại, 2009.

SUMMARY

DISCOURSE MARKERS WITH THE FUNCTION OF ADDITION IN THE WORK “GONE WITH THE WIND” AND THE VIETNAMESE TRANSLATION “CUỐN THEO CHIỀU GIÓ”

Discourse markers (DMs) appear with high frequency in English communication. In terms of influence, DMs play a very important role in language, especially in dialogues. Apart from the function of linking, DMs also convey many different implications in the different context in which they are used. With the scope of this article, we present an overview of the discourse markers and analyze discourse markers such as *and*, *but*, *now* with the function of addition. Since then, the article compares these DMs in the work *Gone with the Wind* with translation equivalents in the conversations of the characters in *Cuốn theo chiều gió*. By analyzing the context in which the DMs are used, we want to find out the similarities and differences in translating these DMs in the conversation text between English and Vietnamese.